

Số: 208 /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển giao các cơ sở nhà, đất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình về địa phương quản lý, xử lý

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ văn bản số 213/UBND-VP5 ngày 14/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao nguyên trạng 17 cơ sở nhà, đất của Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (chi tiết theo danh mục đính kèm) về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quản lý, xử lý.

Lý do chuyển giao: Các cơ sở nhà, đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng sau sáp nhập, tinh gọn bộ máy.

Điều 2. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận, hạch toán tăng, giảm tài sản theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Tài chính, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các khu vực và Thủ trưởng các đơn vị

có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Các Đ/c Phó Viện trưởng VKSND tối cao;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử VKSND tối cao (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục 3.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Giảng

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG ĐỀ NGHỊ CHUYỂN GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, XỬ LÝ

(Kèm theo Quyết định số /VKSTC-C3 ngày /11/2025)

ST T	Tên tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	VKSND Khu vực 2					9.883.483.000	1.135.140.000			
1	VKSND thành phố Tam Điệp (cũ)					1.680.140.000	1.135.140.000	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: tổ 10B, Phường Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	503,9		1.012.500.000	1.012.500.000			
	Nhà làm việc 2 tầng	Nhà	m2	421,5	1997	613.200.000	122.640.000			
	Nhà bảo vệ	Nhà	m2	12,0						
	Nhà xe	Nhà	m2	28,0						
	Bể nước	BN			1997	13.200.000	-			
	tường rào	Vật kiến trúc	cái		1997	11.370.000	-			
	Sân	Ca			1997	29.870.000				
2	VKSND huyện Yên Mô(cũ)					8.203.343.000	4.078.836.258	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Khu Phú Thịnh, xã Yên Mô tỉnh Ninh Bình
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	2.000	2014	2.000.000.000	2.000.000.000			
	Nhà làm việc 2 tầng	Nhà	m2	630	2014	4.258.633.000	1.568.494.180			
	Nhà lưu trú công vụ 1 tầng	Nhà	m2	120	2014	1.189.746.000	479.626.252			
	Nhà bảo vệ	Nhà	m2	12	2014	56.926.000	23.043.616			
	Nhà để xe	Nhà	m2	18	2014	18.953.000	7.672.210			
	Cổng, tường rào, sân, bể nước...	Vật kiến trúc	cái		2014	679.085.000	-			
II	VKSND Khu vực 3					13.469.040.000	9.456.292.793			
1	VKSND huyện Gia Viễn (cũ)					8.274.365.000	5.005.386.333	Chuyển giao về địa	Không còn nhu cầu sử	Địa chỉ: Xã Gia Viễn
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	5.510,0	1982	1.909.600.000	1.909.600.000			
	Nhà làm việc 3 tầng	Nhà	m2	450,0	1997	4.297.943.000	2.538.550.012			
	Nhà làm việc 2	Nhà	m2	117,0	2016	602.116.000	280.826.904			
	Nhà bảo vệ	Nhà	m2	10,5	2013	83.799.000	17.438.574			

ST T	Tên tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Nhà lưu trú công vụ	Nhà	m2	100,0	2013	756.787.000	183.758.267	phương quản lý, xử lý	dụng	tỉnh Ninh Bình
	Nhà để xe	Vật kiến trúc	m2	22,5	2013	38.445.000	10.883.776			
	Cổng, hàng rào	Vật kiến trúc	m2		2013	395.569.000	-			
	Tường rào, giếng	Vật kiến trúc	m2		1982	29.284.000	-			
	Sân đường bê tông	Vật kiến trúc	m2		2013	160.822.000	64.328.800			
2	VKSND Nho Quan (cũ)					5.194.675.000	4.450.906.460			
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	1.056,0	2002	2.577.600.000	2.577.600.000	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Xã Nho Quan tỉnh Ninh Bình
	Nhà làm việc 2 tầng	Nhà	m2	539,1	2007	2.617.075.000	1.873.306.460			
III	VKSND Khu vực 4					15.493.276.465	11.885.069.853			
	VKSND huyện Yên Khánh (cũ)					15.493.276.465	11.885.069.853			
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	2.772,2	2017	4.158.000.000	4.158.000.000	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Xã Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
	Nhà làm việc 3 tầng	Nhà	m2	780,0	2017	8.154.150.199	6.167.154.151			
	Nhà lưu trú công vụ 1 tầng	Nhà	m2	120,0	2017	1.163.902.889	698.108.951			
	Nhà bảo vệ, tiếp dân	Nhà	m2	12,0	2017	111.357.899	66.792.467			
	Gara ô tô, nhà xe 2 bánh	Nhà	m2	25,0	2017	189.530.000	113.680.094			
	Cổng, tường rào, sân, bể nước...	Vật kiến trúc	cái	1	2017	1.716.335.478	681.334.190			
IV	VKSND Khu vực 5					133.488.643.000	116.745.838.618			
1	VKSND tỉnh Hà Nam(cũ)					88.492.842.000	83.384.000.000			
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	2.978,0	2008	83.384.000.000	83.384.000.000	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: 157 đường Trường Chinh, phường Phú Lý, tỉnh Ninh Bình
	Nhà làm việc	Nhà	m2	1.300,0	2000	1.896.472.000				
	Nhà lưu trú công vụ	Nhà	m2	104,0	2009	1.115.120.000				
	Nhà ăn, nhà để xe	Nhà	m2	158,0	2004	232.551.000				
	Nhà khách	Nhà	m2	340,0	2000	304.234.000				
	Nhà tiếp dân	Nhà	m2	105,0	2004	233.900.000				
	Nhà xe, nhà bảo vệ	Nhà	m2	180,0	2009	1.326.565.000				

ST T	Tên tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	VKSND thị xã Kim Bảng (cũ)					7.110.302.000	3.354.097.142	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Phường Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	2.094,0	2016	3.141.000.000	3.141.000.000			
	Nhà làm việc 2 tầng	Nhà	m2	604,2	2008	3.969.302.000	213.097.142			
	Nhà lưu trú công vụ 1 tầng	Nhà	m2	125,0	2008					
	Nhà bảo vệ, tiếp dân	Nhà	m2	18,0	2008					
	Gara ô tô, nhà xe 2 bánh	Nhà	m2	30,0	2008					
	Công, tường rào, sân, bể nước...	Vật kiến trúc	cái		2008					
3	VKSND Thành phố Phủ Lý (cũ)					22.329.570.000	17.399.315.692	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	1.771,0	2008	16.824.500.000	16.824.500.000			
	Nhà làm việc 2 tầng	Nhà	m2	695,0	2006	3.376.076.568	574.815.692			
	Nhà lưu trú công vụ 1 tầng	Nhà	m2	150,0	2006	600.718.970	-			
	Nhà xe 2 bánh	Nhà	m2	30,0	2006	204.208.462	-			
	Công, tường rào, sân, điện nước ngoài nhà	Vật kiến trúc	cái		2006	1.324.066.000	-			
4	VKSND huyện Thanh Liêm (cũ)					15.555.929.000	12.608.425.784	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	2.001,0	2008	12.606.300.000	12.606.300.000			
	Nhà làm việc 2 tầng	Nhà	m2	596,0	2006	2.045.494.734	969.382			
	Nhà lưu trú công vụ 1 tầng	Nhà	m2	125,0	2006	456.573.000	-			
	Nhà bảo vệ 1 tầng	Nhà	m2	30,0	2011	275.334.000	1.156.402			
	Nhà xe 2 bánh 1 tầng	Nhà	m2	25,0	2006	172.227.266	-			
	Công, tường rào, sân, kè đá	Vật kiến trúc	cái							
V	VKSND Khu vực 6					56.423.727.160	49.596.260.540			
1	VKSND huyện Bình Lục (cũ)					24.171.996.000	20.327.876.933	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Xã Bình Mỹ, tỉnh Ninh Bình
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	2.520	2008	19.908.000.000	19.908.000.000			
	Nhà làm việc	Nhà	m2	470	2003	4.114.176.000	409.807.679			
	Nhà để xe	Nhà	m2	30	2003	11.885.000	-			
	Nhà bảo vệ	Nhà	m2	20	2001	137.935.000	10.069.254			
2	VKSND huyện Lý Nhân (cũ)					9.377.358.800	8.030.198.727			
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	1.555	2004	7.775.000.000	7.775.000.000			

ST T	Tên tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Nhà làm việc	Nhà	m2	360	2004	1.052.007.000	160.452.640	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Số 389 đường Trần Nhân Tông, Xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình
	Nhà công vụ	Nhà	m2	96	2004	211.721.100	84.688.440			
	Nhà để xe	Nhà	m2	24	2004	200.854.700	-			
	Nhà bảo vệ	Nhà	m2	15	2011	137.776.000	10.057.647			
3	VKSND thị xã Duy Tiên (cũ)					22.874.372.360	21.238.184.880	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Số 20, đường Lý Nhân Tông, Phường Duy Tiên, tỉnh Tỉnh Ninh Bình
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	2.022,3	2018	6.068.100.000	6.068.100.000			
	Nhà làm việc	Nhà	m2	1.060	2022	12.526.346.663	11.774.765.862			
	Nhà công vụ	Nhà	m2	135	2022	2.162.789.899	1.405.211.372			
	Nhà để xe 2 bánh	Nhà	m2	37,8	2022	126.240.179	118.665.767			
	Nhà để xe 4 bánh	Nhà	m2	44	2022	339.501.805	319.131.695			
	Nhà bảo vệ, tiếp dân	Nhà	m2	58,0	2022	714.796.317	671.908.537			
	Cổng hàng rào			30,3	2022	936.597.497	880.401.647			
VI	VKSND Khu vực 7					8.472.521.000	5.456.107.214			
	VKSND thành phố Nam Định (cũ)					8.472.521.000	5.456.107.214			
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	2.183,2	2003	4.796.720.000	4.796.720.000	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Lô 90 đường Trần Thánh Tông, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình
	Nhà làm việc cấp 4 ba tầng	Nhà	m2	745,00	2006	2.747.446.725	659.387.214			
	Nhà công vụ cấp 4, một tầng	Nhà	m2	150,00	2006	523.102.118				
	Nhà bảo vệ	Nhà	m2	11,00	2006	42.494.958				
	Nhà để xe 2 bánh	Nhà	m2	35,00	2006	20.254.707				
	Nhà để xe hai bánh	Nhà	m2	15,00	2007	24.980.000				
	Sân đường	Công trình	Cái	1	2006	160.518.523				
	Cổng, tường rào, kè	Công trình	Cái	1	2006	146.554.969				
	Vườn cây lâu năm	Công trình	Cái	1	2008	10.449.000				
VII	VKSND Khu vực 8					2.879.381.000	1.642.213.782			

ST T	Tên tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	VKSND huyện Vụ Bản(cũ)					2.879.381.000	1.642.213.782	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	1.703	2007	703.600.000	703.600.000			
	Nhà làm việc 2 tầng	Nhà	m2	759	2007	1.466.584.034	938.613.782			
	Nhà lưu trú công vụ 1 tầng	Nhà	m2	114	2007	359.766.877				
	Nhà bảo vệ	Nhà	m2	9	2007	42.818.075				
	Công, tường rào, sân, bể nước...	Vật kiến trúc	cái		2007	306.612.014				
VIII	VKSND khu vực 9					5.799.835.000	1.050.000.000			
	VKSND huyện Trực Ninh (cũ)					5.799.835.000	1.050.000.000	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Xã Cổ Lễ, tỉnh Ninh Bình
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	1.500	2010	1.050.000.000	1.050.000.000			
	Nhà làm việc 3 tầng	Nhà	m2	516	2010	3.024.129.000	0			
	Nhà lưu trú công vụ 1 tầng	Nhà	m2	120	2010	895.783.000	0			
	Nhà bảo vệ, tiếp dân	Nhà	m2	11	2010	79.525.000	0			
	Gara ô tô, nhà xe 2 bánh	Nhà	m2	26	2010	38.165.000	0			
	Công, tường rào, sân, bể nước...	Vật kiến trúc	cái		2010	712.233.000	0			
IX	VKSND khu vực 10					5.560.351.900	4.762.119.205			
	VKSND huyện Giao Thủy (cũ)					5.560.351.900	4.762.119.205	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: Xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	1.546	2005	3.894.000.000	3.894.000.000			
	Nhà làm việc 2 tầng	Nhà	m2	390	2005	1.106.200.000	738.388.500			
	Nhà lưu trú công vụ	Nhà	m2	115	2005	321.456.000	109.295.040			
	Nhà bảo vệ	Nhà	m2	15	2011	83.410.900	20.435.665			
	Nhà để xe	Nhà	m2		2005	8.077.000	-			
	Sân vườn nội bộ, đường nước...	Vật kiến trúc	cái		2005	147.208.000	-			
X	VKSND khu vực 11					3.698.658.116	1.408.815.563			
	VKSND huyện Nghĩa Hưng (cũ)					3.698.658.116	1.408.815.563			
	Quyền sử dụng đất	Đất	m2	969	2007	384.750.000	384.750.000			
	Nhà làm việc 3 tầng	Nhà	m2	695	2007	2.051.498.850	656.479.632			

ST T	Tên tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Sửa chữa nhà làm việc 3 tầng	Nhà	m2		2015	348.532.116	223.030.551	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Không còn nhu cầu sử dụng	Địa chỉ: xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
	Nhà bảo vệ	Nhà	m2	10	2007	22.446.730	-			
	Nhà bảo vệ	Nhà	m2	10	2012	200.000.000	112.000.000			
	Nhà công vụ	Nhà	m2	125	2007	474.394.559	-			
	Sân đường	Vật kiến trúc	cái	1	2006	217.035.861	32.555.380			
	Tổng cộng					255.168.916.641	203.137.857.568			